

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số tỉnh Đồng Nai năm 2025
và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Đồng Nai năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

b) Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp liên quan trong việc phát triển hạ tầng số, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

c) Phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Đồng Nai.

d) Làm cơ sở để các cơ quan, địa phương, đơn vị và các doanh nghiệp phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

a) Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số có hiệu quả theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ. Đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, an toàn, tin cậy có bước đi và lộ trình cụ thể.

c) Hạ tầng số được ưu tiên phát triển và bảo vệ như hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng. Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

d) Phát triển hạ tầng số phải đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

e) An toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết đối với hạ tầng số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành, khai thác: Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là nhiệm vụ trọng yếu, xuyên suốt, không thể tách rời với phát triển hạ tầng số.

f) Xóa lốt sóng các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu năm 2025

a) Mạng băng rộng cố định đáp ứng Quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ với mục tiêu phổ cập được tới tất cả các thôn, tổ dân phố; bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu; với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình 200 Mb/s; 90% các tổ chức kinh tế - xã hội như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở tại khu vực thành thị có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 01 Gb/s.

b) Mạng băng rộng di động đáp ứng Quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ, với mục tiêu tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 70 Mb/s cho mạng 4G và 150 Mb/s cho mạng 5G.

c) 100% các xã, phường, khu công nghiệp, khu vực công cộng trọng điểm, các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch, nhà ga/sân bay có dịch vụ di động 5G.

d) Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT - Internet of Things). Riêng khu vực nông thôn, miền núi đảm bảo mỗi hộ gia đình có 01 kết nối Internet vạn vật.

e) Mỗi người dân có 01 định danh số.

g) Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 50%.

h) 100% các cơ quan Nhà nước từ tỉnh đến cấp xã được kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Nhà nước.

i) Hạ ngầm 100% các đường dây, cáp viễn thông tại các khu vực phát triển đô thị, các tuyến đường, tuyến phố cải tạo, xây dựng mới...

k) Xác định các vị trí ưu tiên phát triển trạm BTS đảm bảo an toàn kết cấu, khoảng cách ly tối thiểu, bức xạ điện từ trong giới hạn cho phép, phù hợp bán kính phủ sóng và tần số sử dụng, thuận tiện đấu nối nguồn điện và truyền dẫn và không trái với các quy hoạch ngành khác (đất đai, giao thông, xây dựng, quốc phòng...).

2. Mục tiêu đến năm 2030

- a) 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.
- b) Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- c) Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.
- d) Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 70%.

III. NHIỆM VỤ

1. Hạ tầng viễn thông và Internet

a) Phổ cập kết nối tốc độ cao, độ trễ thấp đến hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức bao gồm: Cáp quang; wifi thế hệ mới;...

b) Các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, sử dụng chung các tuyến cáp quang liên tỉnh, bảo đảm khai thác hiệu quả dung lượng, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư; dự phòng trường hợp phát sinh tăng trưởng đột biến nhu cầu.

c) Hệ thống truyền dẫn trong tỉnh: Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tiếp tục xây dựng và mở rộng mạng cáp quang băng rộng tốc độ cao đến các thôn, bản trên cả tỉnh, thực hiện phổ cập sẵn sàng kết nối cáp quang băng rộng đến hộ gia đình có nhu cầu. Nghiên cứu, bổ sung tuyến cáp quang dọc theo các tuyến đường cao tốc và các tuyến đường giao thông khác đáp ứng nhu cầu về dung lượng truyền dẫn trong tỉnh và phục vụ cho mục đích dự phòng.

d) Tập trung mở rộng vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ mạng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: Khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; các trường cao đẳng, đại học; đầu mối giao thông; hệ thống đường bộ và đường thủy; trung tâm thương mại; khu dân cư phức hợp; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; các thị trấn và khu vực trọng điểm ở nông thôn.

e) Phát triển mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm triển khai các công nghệ mới trong quá trình phát triển hạ tầng số như mạng di động 6G, Open RAN, mô hình dữ liệu mở,...

g) Triển khai sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) cho toàn bộ mạng Internet trong tỉnh.

2. Hạ tầng dữ liệu

Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện

toán đám mây trên Trung tâm dữ liệu quốc gia của chính phủ Việt Nam hoặc các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

3. Hạ tầng vật lý - số

a) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

b) Phát triển hạ tầng vật lý - số bảo đảm sự vận hành rộng khắp, nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, tăng sự linh hoạt trong triển khai các hệ thống giúp giảm thiểu thời gian triển khai, nâng cao hiệu quả.

c) Tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 4G, 5G cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám mây và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) để phát triển các ngành công nghiệp.

d) Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nhà máy thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

e) Phát triển các bản sao kỹ thuật số (Digital Twin) thực hiện mô phỏng và theo dõi hoạt động của vật thể trong thế giới thực thông qua các dữ liệu và thông tin thu thập từ cảm biến, thiết bị IoT và các nguồn dữ liệu khác, tăng cường tính minh bạch, đổi mới và nâng cao hiệu quả lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dịch vụ công, sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, logistics, xây dựng...

g) Xóa lốt sóng các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, và vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn phải song song với việc phát triển hạ tầng lưới điện.

4. Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

a) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

b) Tiện ích số được thiết kế để cung cấp hạ tầng mềm cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các chức năng cốt lõi của giao dịch số – bắt đầu từ danh tính số, thanh toán số, hóa đơn số, xác minh tài liệu số và trao đổi dữ liệu. Các tiện ích số và các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ mới sẽ được phát triển đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, xã hội số.

c) Sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hóa, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.

d) Thúc đẩy xây dựng, phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng; xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng; phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Đồng

thời thúc đẩy, hỗ trợ chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP); phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong tỉnh Đồng Nai đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân...

IV. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế

a) Nghiên cứu, ban hành chính sách, quy định: Tạo điều kiện thuận lợi cung cấp dịch vụ viễn thông băng rộng; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; bảo vệ người sử dụng; thu hút đầu tư; ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên hạ tầng viễn thông; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy việc cấp, sử dụng chữ ký số để phù hợp với điều kiện kinh tế và tăng số lượng cá nhân tham gia thực hiện thủ tục hành chính và giao dịch điện tử.

2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng

a) Ban hành các chính sách, quy định bảo đảm hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác (giao thông, điện, chiếu sáng...) phải cho hạ tầng viễn thông được chia sẻ, dùng chung nhằm hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông, bảo đảm hiệu quả đầu tư chung của nền kinh tế.

b) Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng...).

c) Hoàn thiện chính sách, bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung.

d) Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực).

e) Triển khai xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

g) Thúc đẩy chia sẻ hạ tầng mạng dùng chung giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật để mở rộng vùng phủ sóng mạng di động 4G, 5G cũng như giảm thiểu chi phí đầu tư.

h) Tăng cường giám sát và phân tích các chỉ số chất lượng về trải nghiệm của người sử dụng.

i) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các ứng dụng cho công nghệ di động 5G phục vụ các ngành kinh tế.

k) Định hướng phát triển đưa đường điện ra khu vực biên giới, các chốt dân quân, biên phòng dọc 258,939km đường vành đai biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn tạo tiền đề phát triển các trạm thông tin di động, xóa lốt sóng.

l) Ưu tiên phát triển hạ tầng số theo nhóm lĩnh vực ứng dụng trọng điểm có tác động lan tỏa lớn như y tế thông minh, giáo dục thông minh, nhà máy thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh, đô thị thông minh, giao thông thông minh. Tăng cường phối hợp liên ngành để tích hợp giải pháp công nghệ phù hợp trong từng lĩnh vực, xác định rõ mức độ ưu tiên phát triển theo từng giai đoạn nhằm phục vụ mục tiêu chuyển đổi số toàn diện của tỉnh.

3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí, nguồn nhân lực thực hiện

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này do cơ quan nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu thực hiện.

b) Doanh nghiệp viễn thông có phương án nghiên cứu chuyển đổi thành doanh nghiệp hạ tầng số, chuyển đổi nguồn nhân lực, nâng cao tỷ trọng chuyên gia công nghệ số.

c) Hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số.

d) Phối hợp với Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để thực hiện hỗ trợ phát triển hạ tầng, phổ cập dịch vụ viễn thông băng rộng cố định, băng rộng di động tại các khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Thực thi văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số có trách nhiệm từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

d) Bảo vệ quyền lợi người sử dụng, ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên hạ tầng viễn thông.

e) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số bao gồm việc triển khai các biện pháp để bảo vệ nhiều lớp, giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố, phục hồi hệ thống kịp thời.

5. Đo lường, quản lý, giám sát

a) Xây dựng các chỉ số phát triển hạ tầng số của từng địa phương phù hợp với các chỉ số quốc gia. Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, quản lý nhà nước về hạ tầng số.

b) Thực hiện khảo sát, thu thập số liệu, công bố kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng số đặt ra tại kế hoạch này ở cấp độ địa phương.

6. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Truyền thông về “Phát triển hạ tầng số với hệ sinh thái mở, tạo niềm tin số” tạo sự đồng thuận xã hội, sự ủng hộ của Nhà nước.

b) Tổ chức các hội thảo, hội nghị về hạ tầng số, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển hạ tầng số từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

c) Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G, 6G) để các cá nhân, tổ chức nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ, ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử,...) từ đó đặt hàng các doanh nghiệp hạ tầng số thiết lập cung cấp.

d) Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

e) Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của việc chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của các doanh nghiệp trong nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đơn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tháng 6 và tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các sở, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, rà soát, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này **trước ngày 06/10/2025**; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

3. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh triển khai thông tin, tuyên truyền các nội dung kế hoạch này nhằm tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết và

chung tay xây dựng phát triển hạ tầng số; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Đồng Nai năm 2025 và định hướng đến năm 2030, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ngân hàng Nhà nước - CN Khu vực 2;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Công ty Điện lực Đồng Nai;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (giao Sở Khoa học và Công nghệ gửi);
- Lưu: VT, KTNS, KTN, KGVX (Chung-CĐS04).



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch số 94 /KH-UBND ngày 16 /9/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025 - 2030 và định hướng đến 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh	Quy hoạch	Quý I, II năm 2026
2	Xây dựng kế hoạch ngân hàng hóa mạng cáp viễn thông giai đoạn 2025 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch	Quý IV năm 2025
3	Chủ động tăng cường phối hợp với các Sở, ngành liên quan trên địa bàn thúc đẩy, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông; truyền hình cáp trong việc sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động với các hạ tầng kỹ thuật khác; trong việc phát triển trạm BTS trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
4	Triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng mạng di động Việt Nam theo Quyết định số 1110/QĐ-BTTTT ngày 02/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, doanh nghiệp viễn thông	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
5	Xây dựng kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp treo viễn thông hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch	Tháng 12 hàng năm
6	Xây dựng quy chế đề đảm bảo khả năng hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng...) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh	Quy chế	Năm 2025
7	Xây dựng, ban hành kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Năm 2025
8	Tổ chức thực hiện sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích, xã hội hóa để thực hiện hỗ trợ phổ cập dịch vụ viễn thông băng rộng, điện thoại thông minh...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
9	Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	Các Sở, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
10	Duy trì và đảm bảo kết nối thông suốt mạng truyền số liệu chuyên dùng 03 cấp từ Trung ương đến xã; sử dụng đồng bộ, tập trung các dịch vụ cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
11	Triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng số Quốc gia dùng chung theo ngành, lĩnh vực do các bộ, ngành Trung ương chủ trì và công bố	Các Sở, ngành và UBND cấp xã	Các sở, ngành và UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
12	Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã; và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Văn bản của cấp có thẩm quyền	- 2025: Hoàn thiện chủ trương và ban hành văn bản - 2026: Thực hiện
13	Tiếp tục phát triển các nền tảng: tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng Công dữ liệu mở; nền tảng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên	Các sở, ngành; UBND cấp xã; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	không gian dùng chung của tỉnh và các nền tảng dùng chung khác; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	quan			
14	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách, pháp luật đề nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
15	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
16	Chuyển đổi, sắp xếp các trạm thu phát sóng thông tin di động BTS đây neo ở trên các công trình trong khu vực đô thị sang trạm BTS đa năng, nguy trang, có yếu tố thân thiện môi trường, phù hợp cảnh quan	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ngành có liên quan; UBND cấp xã	Số lượng các trạm BTS	Thường xuyên
17	Tăng cường chính trang, hạ ngầm mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã; Công ty Điện lực	Số km cáp chính trang, hạ ngầm	2025: Đạt 05% 2026: Đạt 10% 2027: Đạt 15% 2028: Đạt 20% 2029: Đạt 25% 2030: Đạt 30%
18	Phát triển mạng 5G đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số theo mục tiêu Kế hoạch này; phát triển	Các doanh nghiệp viễn	Sở Khoa học và Công nghệ;	Các trạm BTS; các	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nông thôn, vùng lôm sông; tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình	thông	UBND cấp xã	tuyên cấp quang...	
19	Tích cực tham gia, đồng hành cùng tỉnh phát triển hệ thống wifi công cộng trên địa bàn	Các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Các điểm truy cập wifi	Hàng năm
20	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
21	Thực thi pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
22	Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) cho các dự án đầu tư có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giải đoạn 2026-2030 để triển khai thực hiện Kế hoạch	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
23	Hướng dẫn các chính sách ưu đãi về thuế, phí để thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính Cục thuế	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	2025-2026
24	Hướng dẫn thực hiện các quy định về tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng, giao thông theo quy định của pháp luật	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2025
25	Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, thực hiện và giải quyết vấn đề về sử dụng đất xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 12/2025
26	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số của UBND cấp xã, thành phố phù hợp với Kế hoạch này	UBND cấp xã	Các sở, ngành	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 3/2026
27	Xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác; Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ	UBND cấp xã	Các sở, ngành	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh				
28	Xây dựng và công bố Kế hoạch Đầu tư phát triển hạ tầng điện khu vực chốt dân quân, chốt biên phòng, đồn biên phòng, khu vực nông thôn và nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn tỉnh Đồng Nai	Sở Công thương	Công ty điện lực Đồng Nai, Sở Tài chính, Sở Khoa học và công nghệ, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông,	Kế hoạch, Dự án, Văn bản của cấp có thẩm quyền	- 2025: Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch. - 2026 thực hiện xong Kế hoạch
29	Xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư hạ tầng số	Sở KH&CN	Sở Tài chính, Cục Thuế, UBND cấp xã	Văn bản chính sách đặc thù	- 2025: dự thảo lấy ý kiến các đơn vị - 2026: Trình ban hành và tổ chức thực hiện
30	Xây dựng Ứng dụng hỗ trợ phân tích, tổng hợp báo cáo tỉnh Đồng Nai	Sở KH&CN	Sở Tài chính, Cục Thuế, UBND cấp xã	Văn bản chính sách đặc thù	- 2025: Xây dựng mục tiêu, yêu cầu, dự án. - Tháng 12/2026: Sản phẩm hoàn thành và đưa vào sử dụng